

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 194/2025/DS-PT

Ngày: 06 - 5 - 2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng giao
khoán và yêu cầu bồi thường thiệt
hại về tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuần

Ông Nguyễn Sỹ Thành

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2025/TLPT-DS ngày 06/01/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng giao khoán và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản*” do có kháng cáo của bị đơn ông Trịnh Văn V đối với Bản án sơ thẩm số 42/2024/DS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2025/QĐPT-DS ngày 21/02/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần cà phê TL

Địa chỉ: Km 17, Quốc lộ 26, xã HĐ, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hoàng P – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình B - Sinh năm: 1957

Địa chỉ: Số 65 TND, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Trịnh Văn V – Sinh năm: 1967

Địa chỉ: Thôn T, xã HĐ, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Công S – Sinh năm: 1992

Địa chỉ: 39 Y N, phường TL, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Phạm Đình B trình bày:**

Vào ngày 25/8/2011 ông Trịnh Văn V có đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên gửi Công ty TNHH một thành viên cà phê TL (Nay là Công ty Cổ phần cà phê TL).

Ngày 27/8/2011 giữa ông V và Công ty đã ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 854/2011/HĐ-GK. Theo hợp đồng thì ông V nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Với trồng năm 1987 của Công ty có diện tích 10.000m² và diện tích bờ lô 1.452m². Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 19/5, tại thửa 98, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thửa đất: Xã HĐ, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán 45.524.507 đồng; Giá trị vườn cây còn lại 26.798.595đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 03 năm, sau đó gia hạn thêm 05 năm (từ ngày ký kết hợp đồng đến niên vụ 2019 -2020).

Mức giao khoán hằng năm ông V phải nộp về Công ty theo thỏa thuận trong Hợp đồng giao khoán. Cụ thể: Niên vụ 2011-2012 đến niên vụ 2013-2014 nộp 2.503kg/niên vụ; Niên vụ 2014-2015 đến niên vụ 2019-2020 nộp 2.389 kg/niên vụ. Việc ký hợp đồng trên là dựa vào Bộ luật Dân sự 2005; Nghị Định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13/11/2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Quyết định số 1399/QĐ-UDND ngày 08/6/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Biên bản Hợp các sở ngành liên quan (biên bản Hợp 11 sở ngành ngày 20/01/2011); Nghị quyết hội nghị đại biểu người lao động ngày 26/3/2010; Biên bản họp mở rộng tham gia góp ý kiến phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên, trên cơ sở kế thừa và có sửa đổi “Phương án hợp đồng hợp tác đầu tư & Phân chia sản phẩm” mà Công ty đã thực hiện từ năm 1998 đến năm 2010; Việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không lừa dối, vì trước khi ký hợp đồng thì ông V đã có đơn xin nhận khoán vườn cây gửi Công ty, sau đó có hội đồng xét duyệt đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên cho từng cá nhân, đến Tổng giám đốc thay mặt Công ty ký hợp đồng theo quy định của pháp luật. Việc ký kết này là theo chu kỳ kinh doanh của vườn cây chứ không ký theo từng năm.

Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018 ông V đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng. Từ niên vụ thu hoạch cà phê 2018 - 2019 đến niên vụ 2022-2023, ông V đã không thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi cho Công ty và các khoản nợ khác theo đúng cam kết trong Hợp đồng, ngoài hợp đồng. Ngoài ra theo thông báo của cục thuế tỉnh tiền truy thu tiền thuê đất (từ năm 2006-2010 và năm 2015 đến năm 2017); Tiền thuê đất 05 năm (2018, 2019, 2020, 2021, 2022) là 7.987.189 đồng nhưng ông V chưa nộp cho Công ty để Công ty trả cho Cục thuế. Mặt khác, ông V còn nợ tiền khấu hao kênh mương, hồ đập từ năm 2018 đến năm 2021 là 2.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện

hợp đồng ông V còn tự ý cắt hạ, khai thác 93 Cây muồng đen trồng năm 1987 trái phép. Hiện nay hợp đồng giao khoán của ông V đã hết, Công ty đã mời ông đến Công ty để thanh lý hoặc ký kết lại hợp đồng mới, nhưng ông V không hợp tác mà ngang nhiên chiếm dụng trái phép vườn cây của Công ty đến nay. Việc làm này của ông V là vi phạm hợp đồng đối với Công ty, xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp và tài sản của Công ty.

Vì những lý do trên, Công ty làm đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung ông Trịnh Văn V, đề nghị Toà án giải quyết:

- Chấm dứt Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 854/2011/HĐ-GK. Buộc ông Trịnh Văn V phải trả lại toàn bộ vườn cây cho Công ty cổ phần cà phê TL với diện tích 10.000m² và diện tích bờ lô 1.452m². Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 19/5, tại thửa 98, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thửa đất: Xã HĐ, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk và phải tháo dỡ, di dời hoặc chặt bỏ toàn bộ vật kiến trúc, cây trồng xen trên đất nhận khoán.

- Buộc ông Trịnh Văn V phải trả cho công ty cổ phần cà phê TL 10.750kg cà phê quả tươi còn nợ của 05 niên vụ (2018-2019; 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023).

- Buộc ông Trịnh Văn V phải nộp tiền thuê đất về Công ty Phần 49% cụ thể (truy thu năm 2006 đến năm 2010; 2015 đến 2017) và tiền thuê đất 05 năm (từ năm 2018 đến năm 2022) là 7.987.189 đồng.

- Buộc ông Trịnh Văn V phải trả cho Công ty cổ phần cà phê TL tiền khấu hao kênh mương hồ đập tưới cho vườn cà phê 04 năm (từ năm 2018 đến năm 2021) là 2.000.000 đồng.

- Buộc ông Trịnh Văn V đền bù 100% thiệt hại do hành vi chặt phá 93 cây Muồng đen trồng năm 1987, khối lượng 70,3m³ có giá 324.786.000đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện việc buộc ông Trịnh Văn V bồi thường 30% trị giá 93 cây muồng đen năm 1987. Công ty chỉ yêu cầu ông V phải bồi thường 70% trị giá 93 cây muồng đen năm 1987.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trịnh Văn V trình bày: Về việc ký kết hợp đồng khoán gọn, thời gian ký kết, diện tích nhận khoán và các thỏa thuận trong hợp đồng như nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng Công ty không thực hiện đúng theo hợp đồng, không xem xét giảm sản lượng cho người nhận khoán khi có thiên tai xảy ra. Vì những lý do nêu trên nên ông V dừng đóng sản để yêu cầu Công ty giảm sản lượng đóng và thương thảo lại các điều khoản trong hợp đồng.

Do đó, Công ty cổ phần cà phê TL buộc ông V phải trả cho công ty 10.750 kg cà phê quả tươi còn nợ của 05 niên vụ (2018-2019; 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023) và Chấm dứt hợp đồng khoán gọn là không hợp lý đề nghị Công ty cổ phần cà phê TL giảm sản lượng theo quy định trong hợp đồng và làm việc với ông V để thỏa thuận việc phân chia thu nhập sau khi trừ chi phí đầu tư đúng theo quy định của Nghị định 135/2005 của chính phủ.

Công ty cổ phần cà phê TL buộc ông V phải nộp tiền thuê đất về Công ty số tiền 7.987.189 đồng về phần này ông V hoàn toàn không biết vì không được

thông báo từ đầu. Trong phương án khoán mà công ty trình lên Ủy ban phê duyệt là 400.000 đồng/ha. Còn việc công ty tính sai, chậm nộp và bị phạt thì Công ty tự chịu trách nhiệm.

Công ty cổ phần cà phê TL buộc ông V phải nộp tiền khấu hao kênh mương hồ đập 04 năm (từ năm 2018 đến năm 2021) là 2.000.000 đồng là không có cơ sở vì tôi được Tòa án huyện Krông Pắc tuyên thắng kiện về vấn đề này theo bản án 275/2021/DS-ST ngày 16/7/2021.

Công ty cổ phần cà phê TL buộc ông Trịnh Văn V đền bù thiệt hại do hành vi chặt phá, chiếm đoạt cây muồng đen để che bóng, chắn gió cho vườn cây thì ông V không đồng ý vì khi lập biên bản ông V hoàn toàn không biết.

Ngoài ra, tại đơn đề nghị ngày 13/8/2024 của ông V trình bày: Bị đơn ông Trịnh Văn V đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án với lý do Thanh tra chính phủ, Ủy ban nhân tỉnh Đắk Lắk, cùng các cơ quan có thẩm quyền đang thanh tra Công ty cổ phần cà phê TL. Mặt khác, Công ty cổ phần cà phê TL không có tư cách khởi kiện ông V, do ông V chỉ ký Hợp đồng với Công ty TNHH MTV cà phê TL, nên việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần cà phê TL là không đúng.

Tại Bản án sơ thẩm số 42/2024/DS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 388, 390, 392, khoản 1, 3, 7, 8 Điều 409, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ;

- Áp dụng Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Áp dụng Luật Đất đai năm 2003;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê TL.

1.1. Buộc ông Trịnh Văn V phải trả cho Công ty cổ phần cà phê TL sản lượng cà phê quả tươi còn nợ của 05 niên vụ (từ niên vụ 2018-2019 đến niên vụ 2022-2023) là 10.750kg.

1.2. Buộc ông Trịnh Văn V phải nộp tiền thuê đất phần 49% về Công ty (truy thu năm 2006 đến năm 2010; 2015 đến 2017) và tiền thuê đất 05 năm (từ năm 2018 đến năm 2022) là 7.987.189 đồng (Bảy triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm tám mươi chín đồng).

1.3. Buộc ông Trịnh Văn V phải trả tiền khấu hao kênh mương, hồ đập từ năm 2018 đến năm 2021 là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

1.4. Buộc ông Trịnh Văn V phải bồi thường cho Công ty cổ phần cà phê TL 70% giá trị 93 cây muồng đen trồng năm 1987 bị cắt hạ là 227.350.200 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn, hai trăm đồng).

1.5. Chấm dứt Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 854/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 giữa Công ty TNHH MTV cà phê TL và ông Trịnh Văn V.

Ông Trịnh Văn V có nghĩa vụ trả lại cho Công ty Cổ phần cà phê TL diện tích đất đã nhận khoán là 10.000m² và 1.452m² diện tích bờ lô, tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 18, thuộc đội 19/5; Thửa đất tại xã HĐ, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. Có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa 91, tờ bản đồ số 18, người nhận khoán bà Nguyễn Thị Quỳnh TN; Phía Nam giáp thửa 107, tờ bản đồ số 18, người nhận khoán ông Nguyễn Đình M; Phía Đông giáp thửa 100, tờ bản đồ số 18, người nhận khoán bà Nguyễn Thị A; Phía Tây giáp thửa đất số 97, tờ bản đồ số 18, người nhận khoán ông Nguyễn Văn G và tài sản trên đất bao gồm: 1085 Cây cà phê vối (trong đó 878 Cây trồng năm 1987, 115 cây trồng năm 2020, 07 cây trồng năm 2021, 12 cây trồng năm 2022, 73 cây trồng năm 2023); 07 cây Muồng đen trồng năm 2018; 54 Cây Tiêu trồng bám trên cây Muồng đen (21 cây trồng năm 2013, 01 cây trồng năm 2015, 18 cây trồng năm 2017, 09 cây trồng năm 2018, 04 cây trồng năm 2020, 01 cây trồng năm 2021); 01 Nhà lán tạm diện tích 12m², nền lán xi măng, mái lợp tôn, vách tôn.

Công ty cổ phần cà phê TL phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị vườn cây cho ông Trịnh Văn V số tiền 111.037.627 đồng (Một trăm mười một triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm hai mươi bảy đồng).

- Buộc ông Trịnh Văn V phải tự tháo dỡ, di dời hoặc chặt bỏ các loại cây trồng và các vật kiến trúc đã trồng và tạo dựng trên đất không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết, bao gồm: 154 Cây Sầu riêng ghép (51 Cây trồng năm 2018, 11 Cây trồng năm 2019, 29 cây trồng năm 2020, 19 cây trồng năm 2021, 13 cây trồng năm 2022, 31 cây trồng năm 2023); 19 Cây Chôm chôm (17 cây trồng năm 2019, 01 cây trồng năm 2020, 01 cây trồng năm 2021); 134 Cây Tiêu trồng bám trên cây gòn (02 cây trồng năm 2020, 04 cây trồng năm 2021, 33 cây trồng năm 2022, 95 cây trồng năm 2023); 18 Cây Tiêu trồng bám trên cây Lòng mức (03 cây trồng năm 2020, 02 cây trồng năm 2021, 01 cây trồng năm 2022, 05 cây trồng năm 2010, 04 cây trồng năm 2018, 02 cây trồng năm 2016, 01 cây trồng năm 2015); 39 Cây Tiêu trồng năm 2023 bám trên trụ bê tông; 10 Bụi chuối lùn (43 cây); 19 Cây vải (04 cây trồng năm 2019, 15 cây trồng năm 2021); 06 Cây Bơ (03 Cây Bơ thường trồng năm 2022, 03 Cây Bơ ghép trồng năm 2018); 03 Cây Dổi trồng năm 2021; 03 Cây Sưa trồng năm 2019; 22 Cây Lòng mức trồng năm 2015; 21 Cây mắc ca trồng năm 2023; 205 Cây cau trồng năm 2022; 78 Cây chanh dây; 01 Giếng đào, đường kính 01m, sâu 21m, thành xây bê tông; 01 đường dây điện 3pha, gồm 3 sợi màu đen dài 80m; 03 trụ vuông 10x10cm, cao 4,2m; 01 Sợi dây thép gai rào dài 693m; 05 trụ bê tông 10x10cm, cao 1,5m; 01 Đường ống nhựa phi 114, dài 75m; 21 Cùm béc tưới phi 60; 01 đường ống dẫn nước bằng nhựa phi 60, dài 280m. Công ty cổ phần cà phê TL không có nghĩa vụ phải thanh toán lại số tiền giá trị các loại cây trồng, vật kiến trúc nêu trên cho ông V.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trịnh Văn V phải bồi thường cho Công ty cổ phần cà phê TL 30% giá trị của 93 cây muồng đen trồng năm 1987 bị cắt hạ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/10/2024, bị đơn ông Trịnh Văn V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Bản án sơ thẩm xác định sai bị đơn trong vụ án, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng, không chấp nhận việc đề nghị sao chụp các tài liệu chứng cứ của ông Trịnh Văn V. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại đơn kháng cáo bổ sung ngày 18/02/2025 ông V kháng cáo không đồng ý với toàn bộ nội dung bản án, bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, xác định thiếu tư cách đương sự, thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Thẩm phán định giá không đúng quy định làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của ông Trịnh Văn V là không có cơ sở, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trịnh Văn V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2024/DSST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn đã được nộp trong thời hạn luật định và đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng trong việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, ghi nhận năm sinh của ông trong bản án bị sai, không đồng ý cho ông sao chụp tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và định giá không đúng quy định, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thể hiện ông V, sinh năm 1966, tuy nhiên cấp sơ thẩm đã tiến hành sửa chữa, bổ sung năm sinh của ông V từ 1966 thành 1967 theo như căn cước công dân ông đã cung cấp. Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện cấp sơ thẩm đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông V nên kháng cáo của ông cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm trong việc tổng đạt văn bản tố tụng là không có căn cứ.

Ngày 17/11/2022 (bút lục 125) ông V có làm đơn xin phô tô tài liệu chứng cứ, cùng ngày 17/11/2022 (bút lục 126) thể hiện Tòa cấp sơ thẩm đã tiến hành lập biên bản giao nhận các tài liệu chứng cứ cho ông. Do đó, kháng cáo của ông cho rằng cấp sơ thẩm không cho ông sao chụp tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là không có cơ sở.

Về thủ tục thành lập hội đồng định giá xét thấy cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 97, 104 Bộ luật tố tụng dân sự, ông V đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc định giá tài sản nhưng vắng mặt nên kháng cáo của ông V không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo của ông V không đồng ý nội dung của bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên đương sự đều thừa nhận các bên có ký kết Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê số 854/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011. Khi ký kết hợp đồng, các bên hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Về sản lượng cà phê quả tươi ông V còn phải đóng cho Công ty:

Tại điểm c khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng có nội dung: “*Nghĩa vụ của bên B (ông V) thực hiện nộp sản lượng cho bên A theo quy định...*” và theo quy định tại khoản 5 Điều 6 của hợp đồng có nội dung: “*Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên B không hoàn thành chỉ tiêu giao nộp sản phẩm cà phê theo định mức hàng*

năm thì bên A có quyền áp dụng biện pháp cần thiết để thu hồi nợ và đơn phương chấm dứt hợp đồng giao khoán...”. Xét từ niên vụ 2018 - 2019 đến niên vụ 2022 - 2023, ông V không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp sản lượng cho Công ty là vi phạm nghĩa vụ của bên nhận khoán. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông V phải trả cho Công ty 10.750 kg cà phê quả tươi còn nợ của 05 niên vụ (2018-2019; 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023) là có cơ sở.

Về tiền thuê đất: Tại điểm g khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng khoán gọn, về phần nghĩa vụ của bên B có nội dung: *“Bên B có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất, thuế đất nông nghiệp cho Nhà nước, theo tỷ lệ 51 – 49%, phần bên B chịu 49% nộp vào tháng 11 trong năm thông qua bên A”.*

Xét năm 2006 - 2010; năm 2015 - 2017 và 05 năm từ 2018 đến năm 2022, ông V chưa nộp tiền thuê đất cho Công ty để Công ty thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuê đất vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm buộc ông V phải nộp tiền thuê đất cho Công ty phần 49% với số tiền là 7.987.189 đồng là có căn cứ.

Về tiền khấu hao kênh mương, hồ đập:

Tại Điều 1 của hợp đồng khoán gọn có nêu: *“1. Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê”.* Và tại Điều 2, Điều 3 của hợp đồng có nêu: *“Khi vào vụ tưới nước cho cà phê, Công ty mở nước cho bên B tưới với diện tích tưới mương. Diện tích tưới mương Công ty sẽ thu tiền khấu hao hồ đập kênh mương theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm”* và *“Đối với diện tích tưới nước trên hệ thống hồ đập, kênh mương của Công ty thì phải nộp tiền khấu hao hồ đập kênh mương cho bên A theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm”.* Mặt khác, tại trang 10 của bảng phương án khoán gọn có nêu: Chi phí khấu hao hồ đập kênh mương là 500.000đồng/ha/năm (chi phí 100% trên vườn cây). Diện tích ông V nhận khoán là 10.000m². Như vậy, bản án sơ thẩm buộc ông V phải trả cho Công ty tiền tưới nước trên hệ thống kênh mương hồ đập của Công ty từ năm 2018 đến năm 2021 là: 500.000đồng/ha x 10.000m² x 04 năm = 2.000.000 đồng là có căn cứ. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng tiền khấu hao kênh mương đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Về việc chấm dứt hợp đồng khoán gọn vườn cây và trả lại vườn cây nhận khoán theo hợp đồng, thì thấy:

Tại điểm f khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng khoán gọn quy định về quyền và nghĩa vụ của bên A (Công ty TNHH MTV cà phê TL) thì bên A có quyền “*Hủy bỏ hợp đồng giao khoán, thu hồi diện tích giao khoán khi bên nhận khoán vi phạm hợp đồng...*”. Tại khoản 5 Điều 6 của Hợp đồng giao khoán quy định về điều khoản cam kết chung thì “*Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên B không hoàn thành chỉ tiêu giao nộp sản phẩm cà phê theo định mức hàng năm, thì bên A có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ và đơn phương chấm dứt hợp đồng giao khoán, thu hồi vườn cây cà phê giao khoán, tiến hành giao cho người khác hợp đồng*”. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông V đã vi phạm hợp đồng trong việc giao nộp sản phẩm, vi phạm việc trả tiền thuê đất hàng năm, vi phạm việc nộp tiền khấu hao kênh mương, hồ đập là vi phạm Hợp đồng khoán gọn đã ký kết. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận tuyên chấm dứt hợp đồng khoán gọn vườn cây số 854/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 giữa Công ty TNHH MTV cà phê TL và ông Trịnh Văn V, giải quyết hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng tuyên buộc Công ty trả cho ông V 49% giá trị tương đương 73.717.707 đồng vườn cây là có căn cứ pháp luật và phù hợp với thoả thuận của các bên theo Hợp đồng.

Đối với các tài sản khác trên đất do ông V tự trồng, tạo dựng theo như biên bản thẩm định, định giá tài sản gồm: 07 cây Muồng đen trồng năm 2018 có giá 437.920 đồng; 54 Cây Tiêu trồng bám trên cây Muồng đen (21 cây trồng năm 2013, 01 cây trồng năm 2015, 18 cây trồng năm 2017, 09 cây trồng năm 2018, 04 cây trồng năm 2020, 01 cây trồng năm 2021) có giá 22.358.000 đồng; 01 Nhà lán tạm diện tích 12m², nền lán xi măng, mái lợp tôn, vách tôn có giá 14.524.000, đây là các tài sản được tạo dựng đúng thỏa thuận trong hợp đồng, thông báo, nghị quyết của Công ty nên khi chấm dứt hợp đồng giao khoán, ông V trả cho Công ty diện tích đất đã nhận khoán thì Công ty phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông V trị giá các tài sản trên là phù hợp.

Đối với 154 Cây Sầu riêng ghép (51 Cây trồng năm 2018, 11 Cây trồng năm 2019, 29 cây trồng năm 2020, 19 cây trồng năm 2021, 13 cây trồng năm 2022, 31 cây trồng năm 2023) có giá 463.026.400 đồng; 19 Cây Chôm chôm (17 cây trồng năm 2019, 01 cây trồng năm 2020, 01 cây trồng năm 2021) có giá 24.092.800 đồng; 134 Cây Tiêu trồng bám trên cây gòn (02 cây trồng năm 2020, 04 cây trồng năm 2021, 33 cây trồng năm 2022, 95 cây trồng năm 2023) có giá: 11.057.760 đồng; 18 Cây Tiêu trồng bám trên cây Lòng mức (03 cây trồng năm 2020, 02 cây trồng năm 2021, 01 cây trồng năm 2022, 05 cây trồng năm 2010, 04 cây trồng năm 2018, 02 cây trồng năm 2016, 01 cây trồng năm 2015) có giá 7.129.920 đồng; 39 Cây tiêu trồng năm 2023 bám trên trụ bê tông có giá 2.040.480 đồng; 10 Bụi chuối lùn (43 cây) có giá 1.155.200 đồng; 19 Cây vải (04 cây trồng năm 2019, 15 cây trồng năm 2021) có giá 14.016.160 đồng; 06 Cây Bơ (03 Cây Bơ thường trồng năm 2022, 03 Cây Bơ ghép trồng năm 2018) có giá 9.868.400 đồng; 03 Cây Dổi trồng năm 2021 có giá 187.680 đồng; 03 Cây Sưa trồng năm 2019 có giá 139.680 đồng; 22 Cây Lòng mức trồng năm 2015 có giá 1.024.320 đồng; 21 Cây mắc ca trồng năm 2023 có giá 3.926.160 đồng; 205 Cây cau trồng năm 2022 có giá 4.575.000 đồng; 78 Cây chanh dây có giá 29.140.800 đồng; 01 Giếng đào, đường kính 01m, sâu 21m, thành xây bê tông có giá 17.642.000 đồng; 01 đường

dây điện 3pha, gồm 3 sợi màu đen dài 80m có giá 1.634.000 đồng; 03 trụ vuông 10x10cm, cao 4,2m có giá 2.925.000 đồng; 01 Sợi dây thép gai rào dài 693m có giá 2.668.000 đồng; 05trụ bê tông 10x10cm, cao 1,5m có giá 350.000 đồng; 01 Đường ống nhựa phi 114, dài 75m có giá 6.000.000 đồng; 21 Cùm béc tưới phi 60 có giá 735.000 đồng; 01 đường ống dẫn nước bằng nhựa phi 60, dài 280m có giá 4.019.000 đồng do ông V trồng, tạo dựng không đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Bản án sơ thẩm buộc ông V phải chặt bỏ hoặc tháo dỡ, di dời khi trả lại vườn cây cho công ty là có căn cứ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trịnh Văn V phải bồi thường thiệt hại do hành vi tự cắt hạ cây muồng đen, thì thấy:

Tại khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê quy định về điều khoản cam kết chung thì “*Công ty thống nhất quản lý cây muồng đen hiện có trên lô cà phê giao khoán, nếu vì lý do quá dày rợp, già cỗi phải cắt tỉa hoặc khi vườn cây thanh lý thì Công ty sẽ tổ chức kiểm kê, lập thủ tục bán theo phương thức đấu thầu...*”. Mặc khác, theo Biên bản kiểm kê vườn cây cà phê và cây muồng năm 2019 thì trên đất nhận khoán của ông V còn 114 cây muồng đen. Biên bản chủ lô tự ý cắt muồng đen trên lô nhận khoán ngày 21/6/2022 thì ông V đã tự ý cắt hạ 93 cây trồng năm 1987. Tại thời điểm lập biên bản ông V không có mặt, có sự chứng kiến của đại diện Công ty, đội trưởng và xác nhận của Công an xã HĐ nên việc ông V cho rằng biên bản vi phạm lập không khách quan là không có cơ sở. Như vậy, việc ông V tự ý cắt hạ đối với cây muồng đen trên diện tích đất nhận khoán là vi phạm hợp đồng đã ký kết. Căn cứ vào số lượng Công ty cung cấp thì có 93 cây muồng đen trồng năm 1987 bị cắt hạ có giá là 324.786.000 đồng.

Theo khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng và tại mục 7.2.1.2 của Phương án khoán gọn vườn cây cà phê quy định: 93 cây muồng đen trồng năm 1987 bị cắt hạ có giá là 324.786.000 đồng được chia theo tỷ lệ: 70% của Công ty là 227.350.200 đồng, 30% của hộ nhận khoán (ông V) là 97.435.800 đồng. Như vậy, cần buộc ông Trịnh Văn V phải bồi thường cho Công ty 70% giá trị 93 cây muồng đen trồng năm 1987 bị cắt hạ là 227.350.200 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện trả 30% giá trị 93 cây muồng đen trồng năm 1987 bị cắt hạ. Công ty cổ phần cà phê TL xin rút yêu cầu này nên cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết là đúng quy định.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy kháng cáo của ông V không có căn cứ nên cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 42/2024/DS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trịnh Văn V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trịnh Văn V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 42/2024/DS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 388, 390, 392, khoản 1, 3, 7, 8 Điều 409, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ;

- Áp dụng Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Áp dụng Luật Đất đai năm 2003;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê TL.

1.1. Buộc ông Trịnh Văn V phải trả cho Công ty cổ phần cà phê TL sản lượng cà phê quả tươi còn nợ của 05 niên vụ (từ niên vụ 2018-2019 đến niên vụ 2022-2023) là 10.750kg.

1.2. Buộc ông Trịnh Văn V phải nộp tiền thuê đất phần 49% về Công ty (truy thu năm 2006 đến năm 2010; 2015 đến 2017) và tiền thuê đất 05 năm (từ năm 2018 đến năm 2022) là 7.987.189 đồng (Bảy triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm tám mươi chín đồng).

1.3. Buộc ông Trịnh Văn V phải trả tiền khấu hao kênh mương, hồ đập từ năm 2018 đến năm 2021 là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

1.4. Buộc ông Trịnh Văn V phải bồi thường cho Công ty cổ phần cà phê TL 70% giá trị 93 cây muồng đen trồng năm 1987 bị cắt hạ là 227.350.200 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn, hai trăm đồng).

1.5. Chấm dứt Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 854/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 giữa Công ty TNHH MTV cà phê TL và ông Trịnh Văn V.

Ông Trịnh Văn V có nghĩa vụ trả lại cho Công ty Cổ phần cà phê TL diện tích đất đã nhận khoán là 10.000m² và 1.452m² diện tích bờ lô, tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 18, thuộc đội 19/5; Thửa đất tại xã HĐ, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. Có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa 91, tờ bản đồ số 18, người nhận khoán bà Nguyễn Thị Quỳnh TN; Phía Nam giáp thửa 107, tờ bản đồ số 18, người nhận khoán ông Nguyễn Đình M; Phía Đông giáp thửa 100, tờ bản đồ số 18, người nhận khoán

bà Nguyễn Thị A; Phía Tây giáp thửa đất số 97, tờ bản đồ số 18, người nhận khoán ông Nguyễn Văn G và tài sản trên đất bao gồm: 1085 Cây cà phê vối (trong đó 878 Cây trồng năm 1987, 115 cây trồng năm 2020, 07 cây trồng năm 2021, 12 cây trồng năm 2022, 73 cây trồng năm 2023); 07 cây Muồng đen trồng năm 2018; 54 Cây Tiêu trồng bám trên cây Muồng đen (21 cây trồng năm 2013, 01 cây trồng năm 2015, 18 cây trồng năm 2017, 09 cây trồng năm 2018, 04 cây trồng năm 2020, 01 cây trồng năm 2021); 01 Nhà lán tạm diện tích 12m², nền lán xi măng, mái lợp tôn, vách tôn.

Công ty cổ phần cà phê TL phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị vườn cây cho ông Trịnh Văn V số tiền 111.037.627 đồng (Một trăm mười một triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm hai mươi bảy đồng).

- Buộc ông Trịnh Văn V phải tự tháo dỡ, di dời hoặc chặt bỏ các loại cây trồng và các vật kiến trúc đã trồng và tạo dựng trên đất không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết, bao gồm: 154 Cây Sầu riêng ghép (51 Cây trồng năm 2018, 11 Cây trồng năm 2019, 29 cây trồng năm 2020, 19 cây trồng năm 2021, 13 cây trồng năm 2022, 31 cây trồng năm 2023); 19 Cây Chôm chôm (17 cây trồng năm 2019, 01 cây trồng năm 2020, 01 cây trồng năm 2021); 134 Cây Tiêu trồng bám trên cây gòn (02 cây trồng năm 2020, 04 cây trồng năm 2021, 33 cây trồng năm 2022, 95 cây trồng năm 2023); 18 Cây Tiêu trồng bám trên cây Lòng mức (03 cây trồng năm 2020, 02 cây trồng năm 2021, 01 cây trồng năm 2022, 05 cây trồng năm 2010, 04 cây trồng năm 2018, 02 cây trồng năm 2016, 01 cây trồng năm 2015); 39 Cây Tiêu trồng năm 2023 bám trên trụ bê tông; 10 Bụi chuối lùn (43 cây); 19 Cây vải (04 cây trồng năm 2019, 15 cây trồng năm 2021); 06 Cây Bơ (03 Cây Bơ thường trồng năm 2022, 03 Cây Bơ ghép trồng năm 2018); 03 Cây Dổi trồng năm 2021; 03 Cây Sưa trồng năm 2019; 22 Cây Lòng mức trồng năm 2015; 21 Cây mắc ca trồng năm 2023; 205 Cây cau trồng năm 2022; 78 Cây chanh dây; 01 Giếng đào, đường kính 01m, sâu 21m, thành xây bê tông; 01 đường dây điện 3pha, gồm 3 sợi màu đen dài 80m; 03 trụ vuông 10x10cm, cao 4,2m; 01 Sợi dây thép gai rào dài 693m; 05 trụ bê tông 10x10cm, cao 1,5m; 01 Đường ống nhựa phi 114, dài 75m; 21 Cùm béc tưới phi 60; 01 đường ống dẫn nước bằng nhựa phi 60, dài 280m. Công ty cổ phần cà phê TL không có nghĩa vụ phải thanh toán lại số tiền giá trị các loại cây trồng, vật kiến trúc nêu trên cho ông V.

Trong trường hợp ông V không tự nguyện tháo dỡ, di dời thì Cơ quan thi hành án tiến hành áp dụng biện pháp cưỡng chế dùng biện pháp, tháo dỡ, đốn hạ, thu gom hoặc phá bỏ vật kiến trúc và các cây trồng trên đất để giao đất cho nguyên đơn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trịnh Văn V phải bồi thường cho Công ty cổ phần cà phê TL 30% giá trị của 93 cây muồng đen trồng năm 1987 bị cắt hạ.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Trịnh Văn V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê TL 7.850.000 đồng (Bảy triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

4. Về án phí:

4.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trịnh Văn V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự không có giá ngạch và 25.136.500 đồng (Hai mươi lăm triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê TL phải chịu 5.552.000 đồng (Năm triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền 8.722.000 đồng (Tám triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0016567 ngày 27/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện KP. Sau khi khấu trừ, Công ty cổ phần cà phê TL được nhận lại 3.170.000 đồng (Ba triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Trả cho Công ty cổ phần cà phê TL 560.000 đồng (Năm trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0016734 ngày 21/12/2022 và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0003294 ngày 29/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện KP.

4.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trịnh Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0006167 ngày 24/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KP.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện KP;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng